

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 46 /2017/DS-ST
Ngày: 03 / 8 /2017
V/v: tranh chấp hợp đồng
góp hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: bà Đặng Thị Ánh Bình

Các hội thẩm nhân dân:

1.Ông Hồ Minh Hùng

2.Bà Nguyễn Thị Hồng Sen

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Mỹ Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Hồng Phần –Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2017/TLST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2017, về tranh chấp hợp đồng góp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:118 /2017/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1968

Địa chỉ : Số 156/9, ấp Phú Th 1, xã Đồng P, huyện Long H,tỉnh Vĩnh L.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị H là chị Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số 156/9, ấp Phú Th 1, xã Đồng P, huyện Long H, tỉnh Vĩnh L (theo văn bản ủy quyền ngày 25/4/2017).

2.Bị đơn: -Bà Cao Thị Đ, sinh năm 1964

-Ông Võ Văn D, sinh năm 1963 (Vắng)

Cùng địa chỉ : ấp Phú Hòa 1, xã Đồng P, huyện Long H, tỉnh Vĩnh L

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 3 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị H là chị Nguyễn Thị Ngọc Y trình bày:

Bà Lê Thị H có tham gia góp hội do bà Cao Thị Đ làm đầu thảo, bà H tham gia 04 dây hội, cụ thể như sau :

-Hội tháng 2.000.000đ, mở ngày 12/4/2015 âm lịch, có 16 thành viên, mỗi tháng khai một lần, bà H tham gia 01 phần, đóng được 14 lần hội sống với số tiền là 19.682.000đ, hội mãi ngày 12/7/2016 âm lịch.

-Hội tháng 2.000.000đ, mở ngày 18/8/2015 al, có 16 thành viên, mỗi tháng khai một lần, bà H tham gia 02 phần, đóng được 18 lần hội sống với số tiền là 26.160.000đ, hội mãi 18/11/2016 âm lịch.

-Hội tháng 3.000.000đ, mở ngày 02/12/2015, có 16 thành viên, mỗi tháng khai một lần, bà H tham gia 01 phần, đóng được 06 lần hội sống với số tiền 13.466.000đ, hội mãi 02/3/2017 âm lịch.

-Hội tuần 200.000đ, mở ngày 18/12/2015 AL, có 20 thành viên, mỗi tuần khai một lần, bà H tham gia 10 phần, bà H đóng 01 lần với số tiền 34.000.000đ.

Tổng cộng 4 dây hội bà Đ thiếu bà H số tiền hội sống 93.308.000đ, năm 2016 bà Đ vỡ hội, bà H đòi nhiều lần nhưng bà Đ không trả. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu Cao Thị Đ và ông Võ Văn D phải trả cho bà H tiền hội là 93.308.000đ, không yêu cầu trả lãi.

Bà Đ làm đầu thảo hội ông D chồng của bà Đ biết, vì mỗi lần bà H đến nhà bà Đ để khai hội đều có mặt ông D ở nhà và bà Đ đến nhà góp hội của bà H thì bà Đ điện thoại kêu ông D đến rước về, thời gian trước bà H có tham gia chơi hội do bà Đ làm đầu thảo, bà H hót hội thì ông D và bà Đ cùng đến nhà bà H giao tiền hội. Do đó ông D cho rằng không biết bà Đ làm hội là không đúng.

-Bị đơn bà Cao Thị Đ trình bày :

Bà có làm đầu thảo hội, bà Lê Thị H có tham gia như sau :

-Hội tháng 2.000.000đ, mở ngày 12/4/2015 al, có 16 thành viên, mỗi tháng khai một lần, bà H tham gia 01 phần, đóng được 14 lần hội sống với số tiền là 19.682.000đ, hội mãi ngày 12/7/2016 al.

- Hui tháng 2.000.000đ, mở ngày 18/8/2015 al, có 16 thành viên, mỗi tháng khai một lần, bà H tham gia 02 phần, đóng được 18 lần hui sống với số tiền là 26.160.000đ, hui mãi 18/11/2016 al

-Hui tháng 3.000.000đ, mở ngày 02/12/2015, có 16 thành viên, mỗi tháng khai một lần, bà H tham gia 01 phần, đóng được 06 lần hui sống với số tiền 13.466.000đ, hui mãi 02/3/2017 al.

-Hui tuần 200.000đ, mở ngày 18/12/2015 AL, có 20 thành viên, mỗi tuần khai một lần, bà H tham gia 10 phần, bà H đóng 01 lần với số tiền 34.000.000đ.

Tổng cộng 04 dây hui bà còn thiếu bà H số tiền 93.308.000đ, nay bà đồng ý trả cho bà H số tiền 93.308.000đ, nhưng xin trả dần mỗi tháng 500.000đ cho đến khi hết nợ.

Bà làm đầu thảo hui ông D chồng của bà không biết, tiền hui mà bà thiếu của bà H bà không có sử dụng chi xài trong gia đình mà do những người hót hui không đóng hui chết cho bà, nên bà không có tiền trả cho bà H. Bà và ông D sống chung từ năm 1984 đến ngày vỡ hui không có ly thân.

Ông Võ Văn D chồng bà Đ có nhận các thông báo của Tòa án, nhưng không tham gia giải quyết vụ án. Ngày 12/6/2017 Tòa án tiến hành lấy lời khai ông D thì ông D khai: ông và bà Đ chung sống với nhau từ năm 1986. Bà Đ làm đầu thảo hui ông không biết nên ông không đồng ý cùng bà Đ trả nợ cho bà H. Vì bận công việc nên ông xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Sau khi lấy lời khai xong, có đọc lại cho ông D nghe nhưng ông D không chịu ký tên vào biên bản lấy lời khai của Tòa án.

Do bị đơn xin trả mỗi tháng 500.000đ và vắng mặt bị đơn ông D nên hòa giải không thành, Tòa án tiến hành mở phiên tòa.

Tại phiên tòa: chị Yến là người đại diện hợp pháp cho bà H yêu cầu bà Đ và ông D phải có trách nhiệm trả cho bà H tiền hui sống còn nợ là 93.308.000đ, không yêu cầu trả lãi.

Bà Đ đồng ý trả cho bà H tiền hui sống còn nợ là 93.308.000đ, nhưng xin trả dần mỗi tháng 500.000đ cho đến khi hết nợ.

Ông Võ Văn D vắng mặt lần thứ hai.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

-Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

-Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, Điều 71,72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Riêng đối với bị đơn ông Võ Văn D chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, ông D vắng mặt lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D là đúng quy định tại Điều 288 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

-Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 479 Bộ luật dân sự 2005; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của chính phủ về hộ, hộ, biếu phưởng. Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTƯQH về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của bà H. Buộc bà Đ và ông D trả cho bà H số tiền 93.308.000đ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Các bị đơn nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

{1} Bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu bà Cao Thị Đ và ông Võ Văn D, cùng cư trú ấp Phú Hòa 1, xã Đồng Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long trả tiền hộ sống còn nợ là 93.308.000đ. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

{2} Bị đơn ông Võ Văn D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D.

Về nội dung:

{1} Bà Lê Thị H khởi kiện đòi vợ chồng bà Cao Thị Đ và ông Võ Văn D phải trả tiền hụi 93.308.000đ. Bà Cao Thị Đ đồng ý trả cho bà H tiền hụi còn nợ là 93.308.000đ, nguyên đơn và bị đơn thống nhất được số tiền nợ nên không phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

{2} Xét yêu cầu của bà Đ xin trả dần mỗi tháng 500.000đ xét thấy: Trong quá trình hòa giải c như tại phiên tòa chỉ Yến đại diện cho bà H không đồng ý cho bà Đ trả dần hàng tháng. Việc quy định thời hạn trả nợ không thuộc thẩm quyền của Tòa án mà thuộc thẩm quyền của cơ quan Thi hành án, vì vậy yêu cầu xin trả dần của bà Đ không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

{3} Xét yêu cầu của ông D không đồng ý cùng bà Đ trả nợ cho bà H: bà Đ và ông D là vợ chồng, bà Đ khai làm đầu thảo hụi khoảng 05 năm nay lấy tiền huê hồng để chi xài trong gia đình. Ông D là chồng sống chung nhà với bà Đ trong khi bà Đ làm đầu thảo hụi thời gian dài như vậy mà ông D khai không biết là không có căn cứ chấp nhận.

Xét ý kiến của kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

Vì vậy buộc ông Võ Văn D liên đới với bà Cao Thị Đ trả cho bà Lê Thị H tiền hụi còn nợ là 93.308.000đ.

{4} Về án phí: Buộc bà Cao Thị Đ và ông Võ Văn D phải liên đới nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm 5% đối với số tiền phải trả cho bà H là $93.308.000đ \times 5\% = 4.665.400đ$ (làm tròn 4.665.000đ).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 144, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 298 và Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hụi, họ, biếu, phưởng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H;

2. Buộc bà Cao Thị Đ và ông Võ Văn D liên đới trả cho bà Lê Thị H tiền hụi còn nợ là 93.308.000đ (chín mươi ba triệu ba trăm lẻ tám nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của bà Đ xin trả dần mỗi tháng 500.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về án phí: buộc bà Cao Thị Đ và ông Võ Văn D phải liên đới nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.665.000đ (Bốn triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Bà Lê Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.333.000đ (Hai triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000583 ngày 07/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDT Vĩnh Long;
- VKSND cùng cấp;
- CC THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ánh Bình